

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

**“V/v Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Cường và ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **150/2023/TLST-HNGĐ** ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **08/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Út L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khu 22, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Võ Đình Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Mai Thị Út L trình bày:**

Chị và anh Võ Đình Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/9/2013 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hai bên tự nguyện và không bị ai ép buộc. Trước khi tổ chức lễ cưới có tự nguyện tìm hiểu, khi đó anh Đ làm lái xe và chị làm công nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở chung với gia đình anh Đ một thời gian sau đó ra ở riêng. Thời gian vợ chồng hạnh phúc từ năm 2013 đến năm 2020. Vợ

chồng mâu thuẫn từ năm 2021 đến năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi nhau và đánh nhau dẫn đến không còn tình cảm. Hiện tại chị và anh Đ đã ly thân và không sống cùng nhau. Nguyên vọng của chị là muốn ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Võ Ngọc L1 - sinh ngày 21/6/2014 và Võ Ngọc L2 - sinh ngày 02/7/2017. Hiện tại 02 con chung đang sống với anh Đ. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Võ Ngọc L2, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Võ Đình Đ trình bày:**

Anh và chị Mai Thị Út L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/9/2013 tại UBND xã V, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L đã trình bày ở trên, hiện tại 02 cháu đang sống với anh ở khu 2, xã V. Nay ly hôn quan điểm của anh là muốn được nuôi cả 02 con, nếu không được thì anh xin nuôi cháu Võ Ngọc L1, để chị L nuôi cháu Võ Ngọc L2, nhưng chị L phải đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng cháu L2 đầy đủ nếu không anh sẽ đề nghị thay đổi quyền nuôi con. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 BLTTDS; Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ.

Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc L2 sinh ngày 02/7/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Võ Ngọc L1 sinh ngày 21/6/2014 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do các bên đều không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ không yêu cầu Toà án giải quyết

Về vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ mỗi người phải nộp 75.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Mai Thị Út L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Đình Đ. Anh Đ cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ kết hôn với nhau tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, đến năm 2020 thì giữa chị L và anh Đ xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Đ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị L có 02 con chung là cháu Võ Ngọc L1 sinh ngày 21/6/2014 và cháu Võ Ngọc L2 sinh ngày 02/7/2017. Hiện tại 02

cháu đang sống với anh Đ. Xét nguyện vọng của chị L, anh Đ và cháu L1 là con trên 7 tuổi muốn được ở với bố, Hội đồng xét xử thấy rằng giao cháu L2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên đều không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vay nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Hai bên xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

[6]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các điều: 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị Út L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Võ Ngọc L2 sinh, ngày 02/7/2017; giao cho anh Võ Đình Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Võ Ngọc L1, sinh ngày 21/6/2014. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

5. Về án phí: Chị Mai Thị Út L và anh Võ Đình Đ mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Khoản án phí chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0001828, ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị L được hoàn trả 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Minh Hòa